

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2023
V/v “Ly hôn tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hùng
- Bà Dương Thị Mỹ Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị T (Lùn), sinh năm: 1984, (có mặt);

- *Bị đơn:* anh Phạm Ngọc L, sinh năm: 1985, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-02-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Phạm Ngọc L tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ngày cưới bên chồng có cho đôi bông tai, sợi dây chuyền, sổ vàng này vợ chồng bán chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng tại T, T, Tây Ninh, đến năm 2014 vợ chồng về sống chung nhà cha mẹ chị tại xã P, T, Tây Ninh. Thời gian chung sống đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L đi làm công nhân, dịch bệnh công ty cho nghỉ việc về nhà không có việc làm, không có tiền chi phí cho gia đình, cuộc sống khó khăn, anh L lại uống rượu say xỉn về kiếm chuyện chửi mắng vợ con, không quan tâm lo lắng cho gia đình, anh ghen tuông vô cớ,

nhiều lần hăm dọa đòi chém giết vợ con, đã nhiều lần tự tử bị gia đình phát hiện truy hô thì chồm xồm đến can ngăn kịp thời. Từ đầu năm 2023 anh đi làm không phụ tiền cho chị chi phí nuôi con, mạnh ai làm nấy sống, không ai nói đến ai, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, sống ly thân từ đầu năm 2023. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm nữa, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: có 03 cháu Phạm Nhựt H, sinh ngày 23-10-2005, Phạm Nhựt H1, sinh ngày 28-4-2010 và Phạm Hoàng Khánh A, sinh ngày 30-9-2018, hiện vợ chồng đang nuôi. Chị yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi, nếu con sống với chị hết, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-5-2023 và qua làm việc bị đơn anh Phạm Ngọc L trình bày: anh xác nhận lời trình bày của vợ là đúng, anh không bổ sung gì thêm, do anh không lo cho vợ con có cuộc sống tốt là lỗi của anh, anh hứa sẽ cố gắng đi làm kiếm tiền lo cho vợ con, từ đầu năm 2023 đến nay do đi làm có ít, nên anh đưa tiền ít thì vợ giận không lấy. Nay vợ xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để cùng chung sống nuôi con.

- Về con chung: có 03 cháu như vợ khai là đúng, hiện vợ chồng đang nuôi.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn thì con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có anh không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T đối với anh Phạm Ngọc L; về con chung: giao 03 cháu Phạm Nhựt H, sinh ngày 23-10-2005, Phạm Nhựt H1, sinh ngày 28-4-2010 và Phạm Hoàng Khánh A, sinh ngày 30-9-2018 cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và về nợ chung: không đặt ra giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Toà án đã triệu tập anh L đến dự phiên tòa nhưng anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị T và anh L tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ đầu năm 2023.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tình cảm và tiền bạc, nên hay cãi vã gây gổ nhau, anh L hay uống rượu về kiếm chuyện la lối, hăm dọa chị T, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ đầu năm 2023, thời gian này mạnh ai làm nấy sống, cũng không quan tâm đến nhau. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 03 cháu Phạm Nhựt H, sinh ngày 23-10-2005, Phạm Nhựt H1, sinh ngày 28-4-2010 và Phạm Hoàng Khánh A, sinh ngày 30-9-2018, hiện anh chị đang nuôi. Nay cả hai anh chị đều có yêu cầu con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, 02 cháu Nhựt H và Nhựt H1 đã trên 7 tuổi, các cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ; đối với cháu Khánh A còn nhỏ cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ nhiều hơn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nên giao 03 cháu cho chị T được quyền tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: chị T, anh L tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị T, anh L không yêu cầu, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị T chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 273, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T đối với anh Phạm Ngọc L. Chị T được ly hôn với anh L.

2. *Về con chung*: giao 03 cháu Phạm Nhựt H, sinh ngày 23-10-2005, Phạm Nhựt H1, sinh ngày 28-4-2010 và Phạm Hoàng Khánh A, sinh ngày 30-9-2018 cho

chị Bùi Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị T, anh L không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị T, anh L khai không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Bùi Thị T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027215 ngày 12-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị T nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Bình, TX Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị An